TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2020/DS-ST
Ngày: 8 – 9 - 2020
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản""

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thủy
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Ngô Thị Mai và ông Trần Xuân Anh
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 35/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐST-DS ngày 7 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020 ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Huy T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: SN 36 Phố T, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Lê Công Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ : Thôn 6(nay là thôn 4), xã T1, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư Lê Thị Hoài Tấn Văn phòng luật sư, tư vấn pháp luật Tấn Phương. Thuộc đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Số 02 Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2020 và bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, anhTrịnh Huy T trình bày:

Anh cho anh Th vay tổng số tiền là 1.020.000.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu), vay thành hai đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Vào ngày 29/5/2019 anh T cho anh Th vay số tiền 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu), hẹn 5 ngày sau sẽ trả lại số tiền như trên, nhưng quá thời hạn 05 ngày, anh Th không trả nợ được nên hai bên mới viết giấy vay nợ để chốt số tiền vay, và thỏa thuận miệng là tính lãi suất bằng 1,5%/ tháng. Thời hạn vay 01 tháng.

+ Đợt 2: Vào ngày 27/6/2019, anh T cho anh Th vay số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), hẹn 05 ngày sau anh Th sẽ trả số nợ trên, nhưng đến hạn anh Th không trả được nợ, hai bên mới viết giấy vay nợ và thỏa thuận miệng lãi suất bằng lãi suất ngân hàng 1,5%/ tháng. Thời hạn vay 01 tháng. Hiện nay số tiền 1.020.000.000đ anh Th chưa trả cho anh T được đồng nào. Cả hai lần vay trên đều viết "Giấy vay tiền mặt", có chữ ký của người vay tiền anh Lê Công Th. Do anh Th tố cáo anh với cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Sơn về hành vi cho vay lãi nặng, nên hai "Giấy vay tiền mặt" này đã bị Công an thu giữ, do không cấu thành tội phạm, nên cơ quan Công an đã có kết luận điều tra và trả lại các giấy vay tiền cho anh T. Nay anh T yêu cầu Tòa án buộc anh Th trả cho anh số tiền cụ thể như sau:

+ Tiền gốc tổng cộng: 1.020.000.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)

+ Tiền lãi:

Khoản vay ngày 29/5/2019 số tiền 320.000.000đ: Lãi tính từ ngày 30/5/2019 tạm tính đến ngày 8/9/2020: 15 tháng 8 ngày x 320.000.000đ x 1,5%/ tháng = 72.128.000đ

Khoản vay ngày 27/6/2019 Số tiền 700.000.000đ: Lãi tạm tính từ ngày 28/6/2019 đến ngày 8/9/2020: 14 tháng 11 ngày x 700.000.000 x 1,5% / tháng = 148.155.000đ.

Anh Th đã trả cho anh T được 50.000.000đ (năm mươi hai triệu) tiền lãi.

Việc anh Th trả số tiền lãi vào ngày, tháng, năm nào, trả bao nhiêu tháng lãi anh T không nhớ.

Anh T đề nghị Tòa án buộc anh Th phải trả lãi 1,5%/ tháng cho anh cho đến khi anh Th trả nợ xong khoản tiền gốc. Anh không yêu cầu anh Th phải trả lãi quá hạn.

Do vậy, tổng lãi anh yêu cầu anh Th phải trả: 220.283.000đ – 50.000.000đ (đã trả) = 170.283.000đ

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Lê Công Th trình bày: Anh vay anh T tổng số tiền là 1.020.000.000đ là hoàn toàn đúng, sau khi vay hai bên có ký vào giấy vay tiền và thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 2000/1.000.000đ/ngày. Anh vay số tiền trên với mục như sau: Đối với khoản nợ 700.000.000đ anh vay để trả nợ Ngân hàng quân đội; Còn khoản tiền 320.000.000đ anh vay để mua keo phục vụ kinh doanh. Tất cả các khoản vay trên anh Th đều vay với tư cách cá nhân, việc anh Th vay của anh T vợ anh không biết, không được bàn bạc gì. Số tiền gốc 1.020.000.000 hiện nay anh Th chưa trả cho anh T được đồng nào, nay anh T yêu cầu anh trả số tiền 1.020.000.000đ anh đồng ý. Anh đã trả cho anh T tiền lãi của khoản nợ trên bằng 2000/1 triệu/ ngày, trả lãi được 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), trả vào ngày nào anh Th không nhớ. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, nguyện vọng của anh là xin được trả dần tiền gốc và lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 50.000.000đ cho đến khi trả xong cả gốc và lãi.

Tại phiên tòa bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Anh Thông có vay tiền của anh T, nhưng đến ngày 12/10/2019 anh Th và anh T đã chốt nợ, anh chỉ còn nợ anh T số tiền 1.020.000.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu), anh T thuê 15 người đến nhà anh Th đòi nợ, trong đó có anh L là người được anh T lập hợp đồng đòi nợ thuê và yêu cầu anh Th đến quán cà phê Tâm Tình tại thị trấn Triệu Sơn để viết giấy chốt nợ và yêu cầu anh thông hẹn ngày trả nợ cho anh T. Khi viết giấy chốt nợ ngày 12/10/2019 với anh Th, anh T đã xé bốn giấy vay nợ, thể hiện đã thanh toán xong khoản nợ 1.090.000.000đ, anh Thông chỉ còn nợ 1.020.000.000đ. Anh

Th không biết việc xé giấy trên chỉ là giấy vay tiền phô tô, không phải giấy vay tiền gốc. Chốt nợ như vậy nhưng ngày 19/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã xét xử sơ thẩm và sau đó Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử phúc thẩm vẫn buộc anh Th phải trả nợ cho anh T số tiền 1.216.000.000đ (một tỷ hai trăm mười sáu triệu đồng) (trong đó số tiền gốc 1.090.000.000đ và tiền lãi 126.803.000đ). Nay Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn lại xét xử buộc anh Th phải trả thêm khoản 1.020.000.000đ. Anh Th khẳng định chỉ nợ anh Trình 1.020.000.000đ, không nợ 1.090.000.000đ như tòa án Triệu Sơn và Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa vì các lý do như sau:

- Thu thập thêm các tài liệu chứng cứ tại cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Sơn các giấy tờ vay nợ liên quan đến việc vay nợ giữa anh Th và anh T, thu thập một hợp đồng đòi nợ thuê của anh T liên quan đến các khoản nợ đối với anh Th để giải quyết vụ án triệt để.

Lý do yêu cầu Tòa án tạm dừng để thu thập chứng cứ: Vì giữa anh Th và anh T đã chốt giấy vay nợ đến ngày 12/10/2019, anh Th chỉ còn nợ anh T 1.020.000.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu), chứ không phải nợ 2.110.000.000đ. Việc chốt công nợ như vậy, nhưng ngày 19/5/2020, Tòa án Triệu Sơn do thẩm phán Lê Thị Lan vẫn buộc ông anh phải trả cho anh T 1.216.000.000 (một tỷ hai trăm mười sáu triệu). Tiếp đó Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn lại tiếp tục thụ lý thêm một vụ mới theo yêu cầu của anh T, buộc anh Th phải trả thêm khoản nợ 1.020.000.000đ là không đúng.

- Yêu cầu Tòa án xác minh thêm hồ sơ của hai bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019 ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn và bản án dân sự phúc thẩm số 50/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" liên quan đến khoản nợ anh T cho anh Th vay 1.090.000.000đ. Vì tính đến ngày 12/10/2019 anh Th chỉ còn nợ anh T tổng 1.020.000.000đ, các bản án trước buộc anh Th trả nợ 1.090.000.000đ là vô lý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn cũng đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa với lý do: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn yêu cầu Tòa án thu thập thêm các tài liệu chứng cứ để giải quyết khách quan vụ án. Đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm c; khoản 1 Điều 259 của bộ luật tố tụng Dân sự tạm ngừng phiên tòa để thu thập các chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị đơn ông Lê Công Th nộp cho Tòa án một đơn đề nghị của người làm chứng là anh Lê Đình H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu 6, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là người có mặt tại quán cà phê Tâm Tình ngày 12/10/2020 chứng kiến thấy anh T và anh Th chốt nợ với nhau, anh Th còn nợ anh T 1.020.000.000đ, việc anh T khởi kiện đòi nợ anh Th phải trả 2.110.000.000đ là không có căn cứ.

Sau khi thảo luận tại phòng nghị án, thay mặt Hội đồng xét xử Thẩm phán đã công bố kết quả thảo luận, không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Huy T, buộc anh Lê Công Th phải trả số tiền gốc là 1.020.000.000đ và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật; Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, lời khai của các đương sự. Ý kiến của đại diện viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trịnh Huy T khởi kiện yêu cầu anh Lê Công Th trả nợ theo các giấy vay nợ hai bên đã ký kết vào các ngày 29/5/2019 và ngày 27/6/2019 . Như vậy đây là vụ án về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] *Xét việc yêu cầu tạm ngừng phiên tòa thì thấy*: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, bị đơn và người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng Dân sự tạm ngừng phiên tòa để thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án. Sau khi thảo luận tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa, với lý do như sau:

- Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng đã trả cho anh Tr số tiền 1.090.000.000đ (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng). Tính đến ngày 12/10/2019 anh Th chỉ còn nợ anh T số tiền 1.020.000.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu). Hội đồng xét xử thấy rằng, tại đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Thông phải trả 1.020.000.000đ và lãi suất 1,5%/ tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Thông phải trả số tiền 1.090.000.000đ. Anh Thông và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Th cũng thừa nhận nợ anh T số tiền 1.020.000.000đ, lãi suất không nhớ trả được bao nhiêu, trả lãi vào thời gian nào. Xét thấy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Th trả cho anh số tiền 1.020.000.000đ và lãi suất, không liên quan đến khoản nợ 1.090.000.0000đ, bị đơn cũng thừa nhận còn nợ anh T 1.020.000.000đ. Vì vụ án không liên quan đến khoản nợ 1.090.000.000đ nên Tòa án không thu thập các chứng cứ liên quan đến 1.090.000.000đ.

Xét việc thuê người đòi nợ, đã được cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Sơn làm rõ không có dấu hiệu phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", không liên quan đến nội dung giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến khoản tiền anh Th vay anh T 1.020.000.000đ. Việc anh Th và anh T ký vào giấy nhận nợ ngày 12/10/2019 trước sự chứng kiến của người làm chứng là anh Mai Xuân P và Lê Văn L cũng có nội dung anh Th nợ anh T 1.020.000.000đ.

- Xét việc yêu cầu Tòa án xác minh thêm hồ sơ của hai bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019 ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn và bản án dân sự phúc thẩm số 50/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" liên quan đến khoản nợ anh T cho anh Th vay 1.090.000.000đ thì thấy: Những tình tiết liên quan đến khoản nợ 1.090.000.000đ đã được xét xử bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào Điều 35; điểm b, khoản 1Điều 92; Điều 337 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn không có thẩm quyền để xem xét lại bản án trên. Nếu bị đơn có các chứng cứ về việc đã trả khoản nợ 1.09.000.000đ rồi, mà bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019 ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn và bản án phúc thẩm số 50/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn xét xử, thì có quyền làm đơn đề nghị xem xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại phần tranh tụng tại phiên tòa, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tự ý bỏ về, không tiếp tục tham gia phiên tòa mà không do tình trạng sức khỏe hoặc sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nào. Như vậy là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72; Điều 76 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Anh Trịnh Huy T cho anh Th vay tổng số tiền 1.020.000.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) vào hai đợt: Đợt một vào ngày 29/5/2019; Đợt hai vào ngày 27/6/2019, thời hạn vay cả hai đợt là một tháng. Việc vay nợ được thể hiện tại "giấy vay tiền mặt" có chữ ký của anh Lê Công Th, mặc dù không có chữ ký của người cho vay là anh Trịnh Huy T, nhưng anh T và anh Th đều khẳng định và công nhận hai giấy vay tiền mặt này là đúng thực tế, anh T là người trực tiếp cho anh Th vay tiền, việc giao dịch vay nợ là do các bên tự nguyện, không bị ép buộc.

Anh T cho rằng đến thời hạn trả nợ, anh Th không thanh toán số tiền nợ như đã thỏa thuận, nên anh xuất trình hai giấy vay nợ gốc và giấy nhận nợ ngày 12/10/2019, yêu cầu Tòa án buộc anh Th phải trả số tiền 1.020.000.000đ.

Anh Th thừa nhận có vay anh T số tiền 1.020.000.000đ, hiện nay chưa trả được đồng nào, nhưng khoản tiền anh vay anh T 1.090.000.000đ vay thành hai lần (lần một vay 460.000.000đ, lần hai vay 600.000.000đ),vay vào ngày 01/5/2019, số tiền này anh đã trả hết cho anh Trình, thể hiện tại giấy chốt nợ ngày 12/10/2019, anh Thông chỉ còn nợ lại anh T số tiền 1.020.000.000đ, nhưng Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn xét xử vụ án buộc anh phải trả cho anh T số tiền 1.090.000.000đ là không đúng. Vì vụ án giải quyết khoản nợ 1.020.000.000đ có quan hệ với vụ án đã được Tòa án nhân dân Triệu Sơn và Tòa án nhân dân tỉnh xét xử buộc anh phải trả cho anh Trình 1.090.000.000đ, nên anh đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ, mới giải quyết vụ án một cách triệt để và khách quan.

Tại phiên tòa bị đơn cung cấp một đơn đề nghị của người làm chứng là anh Lê Đình H, trong đơn anh H trình bày hiện nay anh Th chỉ còn nợ anh T số tiền 1.020.000.000đ, đã trả số tiền 1.090.000.000đ, đã chốt nợ ngày 12/10/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, anh T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Th phải trả số tiền 1.020.000.000đ và lãi suất 1,5% / tháng, không yêu cầu trả thêm khoản nợ nào, không có yêu cầu gì liên quan đến 1.090.000.000đ. Anh Th cũng thừa nhận việc anh nợ anh T 1.020.000.000đ hiện nay chưa trả được đồng nào, nhưng lại cho rằng số tiền này liên quan đến số tiền 1.090.000.000đ đã được xét xử bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập các tài liệu liên quan đến 1.090.000.000đ để xem xét đánh giá trong vụ án này là không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy yêu cầu của anh T là có căn cứ và được chấp nhận, buộc anh Th phải trả cho anh T số nợ gốc là 1.020.000.000đ (một tỷ, không trăm, hai mươi triệu).

Về số tiền lãi: Tại giấy vay tiền mặt không thể hiện bên vay phải chịu lãi suất, anh T trình bày anh và anh Th thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1,5%/ tháng, anh Th trình bày anh vay anh T lãi suất thỏa thuận 2000/1 triệu/ ngày.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th trình bày, việc anh T cho anh vay và thu lãi cao, anh đã tố cáo anh T với cơ quan Công an huyện Triệu Sơn về việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, sự việc đang được cơ quan Điều tra giải quyết và yêu cầu Tòa án thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc thu lãi của anh T.

Căn cứ vào thông báo số 01 /2020 ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã cung cấp cho Tòa án bản kết luận điều tra số 40/2020/ KLXM ngày 02/5/2020, cùng các lời khai và các giấy tờ liên quan đến việc vay khoản tiền 1.020.000.000đ giữa anh T và anh Th. Các chứng cứ thu thập được không thể hiện hiện thời gian trả lãi, không thể hiện được số tiền anh Th đã trả lãi cho anh T được bao nhiêu, nên không có căn cứ tính mức thu lãi suất trên khoản tiền vay nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/7/2020 anh T và anh Th đều thừa nhận anh Th đã trả lãi cho anh T được số tiền 22.000.000đ. Tại phiên tòa, anh T khai anh đã nhận tổng số tiền lãi trên khoản nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), anh Th trình bày đã trả lãi 2000/ 1 triệu/ ngày, trả nhiều lần, số tiền lãi đã trả cho anh T, trả vào thời gian nào thì anh không nhớ.

Như vậy mặc dù giấy vay nợ không thể hiện mức lãi suất trên khoản tiền gốc, nhưng anh T và anh Th đều trình bày có sự thỏa thuận bằng miệng về mức lãi suất trên khoản tiền vay, hai bên đương sự đã thừa nhận có việc trả lãi, anh T khẳng định đã nhận của anh Th số tiền lãi 50.000.000đ. Quá trình hòa giải anh Th trình bày đã trả cho anh T 22.000.000đ tiền lãi, nhưng tại phiên tòa lại trình bày nhiều lần trả lãi cho anh T, nhưng không nhớ cụ thể số tiền trả, không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi. Như vậy có căn cứ để chấp nhận số tiền 50.000.000đ là tiền lãi của khoản nợ gốc 1.020.000.000đ anh T đã nhận của anh Th.

Xét hai bên đương sự có tranh chấp về mức lãi suất, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất trên khoản tiền gốc 1.020.000.000đ là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Trịnh Huy T cho anh Lê Công Th vay hai lần với tổng số tiền 1.020.000.000đ (một tỷ, không trăm, hai mươi triệu). Anh Th là người trực tiếp vay tiền, nhận tiền và ký vào "giấy vay tiền mặt" và khẳng định vay riêng, không bàn

bạc, không liên quan đến gia đình. Khi đến thời hạn trả nợ, anh Th chưa trả được đồng nào cho anh T, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy anh Thông có nghĩa vụ phải trả cho anh T số tiền cụ như sau:

+ Tiền gốc tổng: 1.020.000.000đ (một tỷ, không trăm, hai mươi triệu).

+ Tiền lãi của khoản nợ 320.000.000đ tính từ ngày 30/5/2019 đến ngày 8/9/2020 là: 458 ngày x 320.000.000đ x 10% : 365 ngày = 40.153.000 (Bốn mươi triệu, một trăm năm ba nghìn đồng) (làm tròn).

+ Tiền lãi của khoảng nợ 700.000.000đ tính từ ngày 28/6/2019 đến ngày 8/9/2020 là: 430 ngày x 700.000.000đ x 10% : 360 ngày = 82.466.000đ (Tám mươi hai triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn đồng) (làm tròn).

Tổng lãi: 122.619.000đ – 50.000.000đ (đã trả) = 72.619.000đ

Tổng gốc và lãi: 1.092.619.000đ (một tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng).

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Trả lại cho anh Trịnh Huy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc anh Lê Công Th phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 271, 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2; khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm d, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Huy T.

- Buộc anh Lê Công Th phải có trách nhiệm trả cho anh Trịnh Huy T số tiền cụ thể tạm tính đến ngày 8/9/2020 như sau:

+ Tiền gốc tổng: 1.020.000.000đ

+ Tiền lãi còn lại: 72.619.000đ

Tổng gốc và lãi: 1.092.619.000đ (một tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hằng tháng anh Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Anh Lê Công Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 44.778.5000đ (bốn mươi bốn triệu, bảy trăm, bảy tám nghìn, năm trăm đồng) (làm tròn).

Anh T yêu cầu anh Th phải trả cho anh số tiền lãi còn lại tổng bằng 170.283.000đ, nhưng tòa án chỉ chấp nhận buộc anh Th phải trả số tiền lãi còn lại tính đến ngày 8/9/2020 là 72.619.000đ. Số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu nhưng không được Tòa án chấp nhận là 90.664.000đ. Vì vậy anh T phải chịu 4.883.000đ (bốn triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí.

Số tiền 23.500.000đ (hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng),anh T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003987 ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nay trừ đi 4.883.000đ tiền án phí. Trả lại cho anh T số tiền 18.617.000đ (mười tám triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

5.Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn tự ý bỏ về khi vụ án đang được xét xử. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *Người Bv quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy